

## BÁO CÁO

### Tình hình hoạt động ngành Công Thương tháng 01, nhiệm vụ tháng 02 năm 2018

#### Phần thứ nhất

##### Tình hình hoạt động ngành Công Thương tháng 01 năm 2018

### I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH, XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 01 NĂM 2018

#### 1. Về sản xuất công nghiệp

Tháng 01 năm 2018, các doanh nghiệp tập trung sản xuất để phục vụ Tết Nguyên Đán cũng như để hoàn thành các đơn hàng. Vì vậy, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1/2018 tăng trưởng khá, dự ước chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,13% so với tháng trước, tăng 24,19% so với cùng kỳ.

Trong đó: công nghiệp khai khoáng tăng 7,17% so với tháng trước và tăng 39,45% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,16% so với tháng trước và tăng 24,31% so với cùng kỳ; công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 2,04% so với tháng trước và tăng 26,97% so với cùng kỳ; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 3,64% so với tháng trước và tăng 7,75% so với cùng kỳ.

Trong tháng 01/2018, có 23/25 sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng so với tháng trước và 02/25 sản phẩm giảm so với tháng trước là sữa và kem chưa cô đặc các loại (-6,78%); thức ăn cho thuỷ sản (-1,74%). Có 25/25 sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng so với cùng kỳ trong đó các sản phẩm tăng cao như: sơn hóa học (+59,07%), sữa và kem dạng bột các loại (+43,89%), sợi (+42,75%), thiết bị bán dẫn (+40,05%),...

#### 2. Về thương mại nội địa

Tháng 01/2018, có dịp Tết Dương lịch 2018 và thời điểm chuẩn bị cho dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất, sức mua của người dân tăng cao, tuy nhiên các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn tỉnh cơ bản đã dự trữ đủ lượng hàng hóa nên lượng hàng hóa dồi dào, mặt hàng phong phú, không xảy ra tình trạng thiếu hàng, tăng giá đột biến. Bên cạnh đó các doanh nghiệp cũng đưa ra nhiều chương trình khuyến mại, giảm giá dịp cuối năm nhằm góp phần kích cầu tiêu dùng của người dân trong tỉnh, thúc đẩy tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tăng nhanh.

Tháng 01/2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 13.817,4 tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 0,7% so với cùng kỳ. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước đạt 13.090,8 tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 0,1% so với

cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 726,6 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước, tăng 14,5% so với cùng kỳ.

### **3. Kim ngạch xuất, nhập khẩu**

#### **a. Xuất khẩu**

Tháng 01/2018, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 2.651 triệu USD, tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 17,9% so với cùng kỳ. Trong đó: khu vực kinh tế trong nước 474,2 triệu USD, tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 13,5% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 2.176,8 triệu USD, tăng 3,8% so với tháng trước và tăng 18,9% so với cùng kỳ.

#### **b. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực**

Sản phẩm gỗ: Kim ngạch xuất khẩu tháng 01/2018 ước đạt 382,5 triệu USD, tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 17,2% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 14,4% tổng kim ngạch xuất khẩu. Năm 2018, tác động của Hiệp định EVFTA và Hiệp định VPA/FLEGT dự báo sẽ tiếp tục là năm thành công của ngành gỗ xuất khẩu và thủ công mỹ nghệ, đặc biệt là tại thị trường châu Âu. Do hầu hết các sản phẩm thủ công mỹ nghệ và nội thất xuất khẩu từ Việt Nam sang EU sẽ được hưởng mức thuế 0% khi EVFTA có hiệu lực. Mức thuế này được áp dụng cho các sản phẩm gỗ chế biến và sản phẩm gỗ (mức thuế trước EVFTA là 3%); đồ nội thất bằng tre hoặc mây (mức thuế trước là 5,6%); ván ép gỗ (trước là 4%), đồ trang trí bằng gỗ (trước là 3%).

Hàng dệt may: Kim ngạch xuất khẩu tháng 01/2018 ước đạt 315,3 triệu USD, tăng 4,2% so với tháng trước và tăng 18,1% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 11,8% kim ngạch xuất khẩu cả tỉnh. Xuất khẩu ngành dệt may tháng 1 đầu năm đạt mức tăng trưởng khá, các thị trường truyền thống khác như EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc vẫn đạt mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ. Giá nguyên liệu bông vải nhập khẩu hiện đang ở mức 1.829 USD/tấn tăng 5-6% so với đầu năm 2017.

Hàng giày dép: Kim ngạch xuất khẩu tháng 01/2018 ước đạt 266,3 triệu USD, tăng 4,1% so với tháng trước và tăng 18,6% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 10% kim ngạch xuất khẩu cả tỉnh. Dự báo năm 2018, ngành da giày nhiều khả năng đạt mức tăng trưởng cao hơn năm 2017 do có sự hỗ trợ từ các FTA. Tiêu biểu như Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) sẽ giúp sản phẩm giày, dép của Việt Nam được hưởng chênh lệch thuế từ 3,5-4,2% khi xuất khẩu vào EU, tạo ra lợi thế cạnh tranh rất lớn, nhất là với các sản phẩm cùng loại của Trung Quốc. nhất là các mặt hàng chủ lực như giày thể thao, túi xách không bảo hộ, thuế suất sẽ giảm ngay về 0%..., nên đơn hàng sẽ nhiều hơn so với cùng kỳ.

Hàng gỗ sú: Kim ngạch xuất khẩu tháng 01/2018 ước đạt 18,4 triệu USD, tăng 3,4% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 0,6% kim ngạch xuất khẩu cả tỉnh. Các thị trường xuất khẩu chính là Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Pháp, Hồng Kông...

Mủ cao su: Kim ngạch xuất khẩu tháng 01/2018 ước đạt 20.026 tấn, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 5,8% so với cùng kỳ. Giá cao su xuất khẩu trung bình tháng 1 ổn định ở mức 1.530,1 USD/ tấn.

### **c. Nhập khẩu**

Tháng 01/2018, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 2.150,5 triệu USD, tăng 3,5% so với tháng trước và tăng 18,3% so với cùng kỳ.

## **II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

### **1. Công tác quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình**

Xin chủ trương UBND tỉnh về lập quy hoạch phát triển dự án điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tiếp tục triển khai thực hiện dự án “Tuyên truyền vận động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một”.

Trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương về việc kết hợp 03 đề án và xác định lại tên chung của 03 đề án: Đề án Nâng cao tỷ trọng nội địa hóa, hàm lượng công nghệ và hàm lượng tri thức trong các ngành sản phẩm xuất khẩu và dịch vụ hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025; xây dựng Đề cương chi tiết và dự toán kinh phí thực hiện.

### **2. Công tác quản lý hoạt động sản xuất công nghiệp**

Tham gia Hội đồng giám định và định giá máy sàng nghiên đá và các thiết bị liên quan đến việc khai thác đá theo yêu cầu của Cơ quan An ninh điều tra – Bộ Công an. Tham gia Hội đồng thẩm định đánh giá tác động môi trường cho 10 dự án tại Sở Tài nguyên và Môi trường và BQL Các KCN. Tham gia Đoàn thẩm định cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá do Cục Công nghiệp chủ trì.

Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho 01 doanh nghiệp; Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm cho 01 doanh nghiệp. Tập huấn, kiểm tra xác nhận kiến thức ATTP cho 02 doanh nghiệp (63 lao động).

### **3. Công tác quản lý đầu tư và hợp tác quốc tế**

*Về quản lý cụm công nghiệp:* Gửi văn bản đến Sở Xây Dựng về nội dung góp ý thẩm định nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 CCN An Lập. Đã tiến hành khảo sát thực tế để làm cơ sở tham mưu UBND tỉnh phê duyệt chủ trương địa điểm thực hiện dự án CCN Tam Lập 2 và CCN Phước Hòa. Tổng hợp ý kiến góp ý Quy chế quản lý cụm công nghiệp. Báo cáo UBND tỉnh tổng quan tình hình hoạt động của CCN Tân Mỹ.

*Về quản lý xuất nhập khẩu:* Gửi văn bản đến Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu công nghiệp VSIP và các doanh nghiệp logistics về việc cung cấp thông tin về tình hình đầu tư, kinh doanh dịch vụ logistics trong năm 2017. Báo cáo Bộ Công Thương tình hình hoạt động của các VPĐD của Thương nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2017.

*Về hội nhập kinh tế quốc tế:* Tổng hợp báo cáo tình hình triển khai công tác Hội nhập kinh tế quốc tế năm 2017 để báo cáo UBND tỉnh

### **4. Công tác quản lý năng lượng**

Tổ chức họp tổng kết 02 Ban Chỉ đạo an toàn điện và tiết kiệm điện tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh thỏa thuận lại hướng tuyến đường dây 110kV Phú Giáo –

TBA 220kV Uyên Hưng. Trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện năm 2018. Gửi văn bản đến các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm trên địa bàn tỉnh về báo cáo tình hình sử dụng năng lượng năm 2017, kế hoạch năm 2018. Gửi văn bản đến các đơn vị liên quan về cử cán bộ tham gia đoàn khảo sát các hộ dân chưa có điện trên địa bàn tỉnh.

### **5. Công tác quản lý kỹ thuật an toàn – môi trường**

Tham dự, hướng dẫn và giám sát buổi diễn tập ứng phó sự cố hóa chất của 01 doanh nghiệp. Tham dự Hội thảo báo cáo kết quả của Dự án “Nâng cao năng lực quản lý hóa chất” do Cục hóa chất tổ chức tại TP. HCM. Thẩm định thực tế về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất tại 01 doanh nghiệp.

Báo cáo Bộ Công Thương về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2017. Trình UBND tỉnh cấp lại Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp của 01 doanh nghiệp. Giám sát ảnh hưởng nổ mìn 02 Mỏ đá: Mỏ đá Tân Mỹ (Bắc Tân Uyên) và Mỏ đá Phước Vĩnh (Phú Giáo) của Công ty CP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương. Gửi văn bản đến các doanh nghiệp, đơn vị có liên quan tăng cường công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong dịp Tết nguyên đán năm 2018.

Thẩm định thực tế trạm nạp CNG của Công ty TNHH Năng lượng Delta (Thanh Tuyền, Dầu Tiếng) về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG. Kiến nghị Vụ Pháp chế (Bộ Công Thương) tháo gỡ vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh.

### **6. Công tác khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp**

*Về công tác khuyến công:* Làm việc với các phòng Kinh tế trong địa bàn tỉnh về công tác chuẩn bị bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu năm 2018, kết quả các phòng Kinh tế đang tiến hành tuyên truyền vận động và tham mưu thành lập Hội đồng bình chọn và Ban giám khảo theo đúng kế hoạch đề ra. Nghiệm thu cơ sở 04 đề án, các đơn vị thụ hưởng đã hoàn thiện việc xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị theo yêu cầu đề án về tiến độ thời gian, kinh phí thực hiện, các thông số về kỹ thuật, theo đó đã tiến hành ký kết hợp đồng hỗ trợ và làm thủ tục thanh quyết toán.

*Về công tác tư vấn phát triển công nghiệp:* Thực hiện thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật cho 11 công trình. Tập huấn an toàn vệ sinh thực phẩm cho 60 học viên của Công ty TNHH Uni President.

*Về công tác tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn:* Thực hiện kiểm toán năng lượng cho 02 công ty. Hoàn tất thủ tục quyết toán các nhiệm vụ sản xuất sạch hơn năm 2017.

### **7. Công tác quản lý thương mại**

*Công tác bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu:* Triển khai thực hiện Kế hoạch số 5552/KH-UBND ngày 5/12//2017 của UBND tỉnh về việc bình ổn thị trường (BOTT) về dự trữ hàng hóa thiết yếu năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bình Dương với tổng mức dự trữ hàng hóa đạt 1.344 tỷ, tăng gấp đôi so với năm 2017

(610 tỷ đồng) để tiếp tục ổn định giá cả thị trường phục vụ nhân dân, Sở đã tiến hành triển khai thực hiện cụ thể như sau:

- Gửi văn bản đến các doanh nghiệp về việc tham gia chương trình, đến nay đã có 11 doanh nghiệp đăng ký tham gia và các chợ trọng điểm trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Đồng thời, gửi văn bản tới UBND huyện, thị xã, thành phố về việc tổ chức kế hoạch phục vụ Tết Nguyên Đán Mậu Tuất năm 2018.

- Tổ chức buổi làm việc với UBND các huyện, thị xã, thành phố về công tác BOTT mặt hàng thiết yếu phục vụ Tết đối với các chợ truyền thống giai đoạn trước, trong và sau Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018 trên địa bàn; Kế hoạch sắp xếp trật tự kinh doanh chợ trên địa bàn; Bố trí thêm các điểm bán hàng tạm thời để phục vụ Tết Nguyên Đán Mậu Tuất năm 2018; Công tác kiểm tra, kiểm soát và tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chợ; Công tác quản lý giá, niêm yết giá tại các chợ; Phòng cháy chữa cháy và công tác chống gian lận thương mại.

Ngoài ra, thực hiện báo cáo thực hiện bình ổn thị trường và kế hoạch công tác quản lý thị trường dịp Tết Nguyên đán năm 2018 gửi Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

*Công tác phát triển, quản lý chợ, siêu thị, trung tâm thương mại:* Gửi văn bản đến Vụ Thị trường trong nước – Bộ Công Thương về báo cáo một số chỉ tiêu kinh tế về hạ tầng thương mại.

*Công tác quản lý xăng dầu:* Báo cáo Bộ Công Thương tình hình kinh doanh xăng E5 RON92, đến nay không còn cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh bán xăng khoáng RON 92 và hiện có 322/412 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã bán xăng E5 RON92 chủ yếu sử dụng nguồn xăng của Tổng Công ty XNK Thành Lễ - CTCP và Công ty xăng dầu Sông Bé TNHH MTV.

## **8. Công tác xúc tiến thương mại**

*Về công tác xúc tiến thương mại:* Thực hiện các công tác chuẩn bị các Phiên chợ Đưa hàng Việt về nông thôn phục vụ nhu cầu mua sắm dịp Tết Nguyên đán của người dân.

Tổ chức Đoàn doanh nghiệp tỉnh Bình Dương tham gia Hội chợ Triển lãm Thương mại Festival Hoa Đà Lạt 2017, doanh thu bán hàng của các doanh nghiệp đạt 75 triệu đồng. Tổ chức Hội chợ Mua sắm Khuyến mại và Ẩm thực Bình Dương 2017" tại Sân vận động Gò Đậu, Thủ Dầu Một.

Phối hợp Phòng Kinh tế huyện Bắc Tân Uyên tổ chức Hội thảo ứng dụng tem điện tử thông minh truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Phối hợp UBMTTQ Việt Nam tỉnh Bình Dương tổ chức Hội thảo "Nâng cao hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020".

*Về công tác thông tin:* Trong kỳ, cung cấp 61 tin, bài viết và cập nhật 20 văn bản mới trên Cổng Thông tin thương mại điện tử của Sở. Cung cấp 10 tin hoạt động của ngành cho Trang thông tin điện tử Bộ Công Thương.

## **9. Công tác thanh kiểm tra**

Triển khai kế hoạch thanh, kiểm tra năm 2018 của Sở. Giải quyết 01 đơn phản ánh (nặc danh) về việc Chi cục Quản lý thị trường tổ chức Hội nghị “Tập huấn kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm năm 2017”.

## **10. Công tác quản lý thị trường**

*Về công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường:* Triển khai thực hiện các Kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm trước, trong và sau Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018; Kế hoạch tăng cường kiểm tra thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán năm 2018. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đấu tranh chống buôn lậu trong kinh doanh xăng dầu và công tác giám sát ô nhiễm thực phẩm. Triển khai thực hiện công tác giám sát các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn trong việc thực hiện lộ trình phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống xăng E5 Ron 92.

Trong kỳ đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát độc lập 110 vụ, trong đó có 73 vụ vi phạm (chiếm 63,3%), với tổng số tiền phạt 1,7 tỷ đồng, hàng hóa tịch thu ước tính 110,7 triệu đồng. Trong đó, hành vi vi phạm chiếm tỷ lệ cao là vi phạm về gian lận thương mại, đăng ký kinh doanh, vi phạm khác 25 vụ (chiếm 34,2%); vi phạm về hàng cấm, hàng lậu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ 24 vụ (chiếm 32,8%); vi phạm về niêm yết giá 22 vụ (chiếm 30,1%). Phối hợp với các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra 23 vụ, phát hiện 18 vụ vi phạm.

*Về công tác tuyên truyền pháp luật:* Phối hợp với các Đài truyền thanh huyện, thị và thành phố Thủ Dầu Một thực hiện 14 lượt phát sóng tuyên truyền về những hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại. Triển khai cho 575 tổ chức, cá nhân kinh doanh ký cam kết không kinh doanh hàng ngoại nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo an toàn thực phẩm và các hành vi vi phạm khác. Phát 85 tờ rơi tuyên truyền pháp luật về 10 vấn đề hộ kinh doanh cần lưu ý. Triển khai dán 886 tờ áp phích tuyên truyền về thuốc lá.

## **11. Công tác tổ chức cán bộ và thi đua khen thưởng**

*Công tác tổ chức cán bộ:* Cử 01 lãnh đạo Sở tham gia Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh theo đề nghị của Sở Tư pháp; kiện toàn cán bộ thực hiện nhiệm vụ đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính theo đề nghị Sở Tư pháp. Cử 01 lãnh đạo Sở tham gia BCĐ giải phòng mặt bằng 500kV Sông Mây – Tân Uyên, 01 công chức tham gia phối hợp BTC Hội thi Khoa học sáng tạo dành cho thanh thiếu nhi.

*Công tác thi đua khen thưởng:* Ban hành Quyết định tặng Giấy khen cho 13 tập thể và 21 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong công tác triển khai quy chế phối hợp công tác bảo vệ an ninh trật tự, an toàn công trình điện trên địa bàn tỉnh năm 2017; Ban hành 05 Quyết định về việc: công nhận Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2017 đối với 25 cá nhân; trao tặng Giấy khen của Giám đốc Sở Công Thương đối với 22 tập thể và 88 cá nhân; công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2017 đối với 09 tập thể và 115 cá nhân; công nhận Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến năm 2017 cho 25 tập thể và công nhận Danh hiệu Lao động tiên tiến năm 2017 đối với 159 cá nhân đã có thành tích tốt trong phong trào thi đua

năm 2017. Đề nghị Sở Nội vụ trình UBND tỉnh khen thưởng cho 01 tập thể (Bằng khen UBND tỉnh) và 3 tập thể LĐXS, 01 CSTĐ cấp tỉnh, 24 cá nhân Bằng khen UBND tỉnh.

## 12. Công tác cải cách hành chính

Tổng hợp biểu mẫu của 04 thủ tục về lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (04 TTHC mức độ 2 lên mức độ 3). Tiếp tục thực hiện công bố sửa đổi, bổ sung Bộ thủ tục hành chính của Sở.

Trong kỳ, đã tiếp nhận 543 hồ sơ, tồn trước 133 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 493 hồ sơ, còn 143 hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết và 40 hồ sơ bị quá hạn, hủy 02 hồ sơ. Nhận và giải quyết trực tiếp 412 hồ sơ Thông báo thực hiện khuyến mại. Tiếp nhận và xử lý 471 văn bản đến, ban hành 192 văn bản đi về công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực công thương.

## Phần thứ hai Nhiệm vụ trọng tâm tháng 02 năm 2018

Trong tháng 02/2018, Sở Công Thương tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Bộ Công Thương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh năm 2018. Tiếp tục triển khai các quy hoạch, đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt.
2. Xây dựng Kế hoạch hoạt động của Tổ công tác nắm tình hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2018. Gửi văn bản đến các Sở, ngành; các Trường, Hiệp hội, doanh nghiệp cử cán bộ tham gia Hội đồng bình chọn và thành viên Ban giám khảo của Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp Nông thôn tiêu biểu năm 2018.
3. Tham mưu UBND tỉnh ban hành phương án giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Xây dựng lại mô hình khung cấp phép bán buôn rượu, thuốc lá theo Nghị định 105/NQ-CP và 106/NQ-CP của Chính phủ. Triển khai thực hiện Kế hoạch bình ổn thị trường hàng hóa thiết yếu năm 2018 trên địa bàn tỉnh đến các doanh nghiệp tham gia bình ổn thị trường.
4. Báo cáo và trình UBND tỉnh phê duyệt Quy chế phối hợp giữa các sở, ngành và UBND cấp huyện về quản lý, giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư CCN trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Gửi UBND tỉnh Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định thành lập CCN Tam Lập 2 và CCN Phước Hòa theo quy định.
5. Trình UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ huy hiện trường ứng phó sự cố hóa chất. Báo cáo Bộ Công Thương về tình hình quản lý và hoạt động hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp năm 2017. Thực hiện đôn đốc, theo dõi và giám sát tình hình quản lý an toàn hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, kinh doanh khí tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

6. Tham mưu Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2017 trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh triển khai chiến dịch Giờ Trái đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh. Phối hợp các đơn vị liên quan khảo sát các hộ dân chưa có điện trên địa bàn tỉnh.

7. Tổ chức 03 Phiên chợ Dưa hàng Việt về nông thôn phục vụ nhu cầu mua sắm dịp Tết Nguyên đán của người dân. Hoàn chỉnh nội dung dự thảo Đề án phát triển XTTM tỉnh Bình Dương giai đoạn 2018 – 2020. Xây dựng Kế hoạch xúc tiến thương mại trong nước và nước ngoài năm 2018. Tích kiêm đổi tượng thụ hưởng, đơn vị phối hợp và xây dựng các đề án chi tiết chương trình khuyến công địa phương, kiểm toán năng lượng, sản xuất sạch hơn năm 2018. Tiếp tục nhận thầu thực hiện thẩm tra, giám sát, thiết kế các công trình công nghiệp và chiếu sáng công cộng; các lớp đào tạo, tập huấn, huấn luyện.

8. Trình UBND tỉnh công bố sửa đổi, bổ sung Bộ thủ tục hành chính của Sở, Ban hành Quyết định Danh mục lưu trữ Sở Công Thương năm 2018. Xây dựng Kế hoạch truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 của Sở; Kế hoạch Cải cách hành chính của Sở năm 2018; Kế hoạch pháp chế năm 2018.

9. Triển khai thực hiện tốt việc kiểm tra, kiểm soát thị trường hàng hóa, công tác đảm bảo an toàn thực phẩm trước, trong và sau Tết Nguyên Đán năm 2018, tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường đối với các vấn đề về giá, chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, dầu cơ, găm hàng,... Tăng cường công tác giám sát, nắm tình hình các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh. Tham mưu Ban Chỉ đạo 389 tỉnh Bình Dương ban hành kế hoạch tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng./. *MV*

**Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương;
- TTTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Trần Thanh Liêm;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP miền DNB;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng chuyên môn, các ĐVTT;
- Lưu: VT, KHTC *V*

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Dành**



### Chỉ số sản xuất công nghiệp

	Đơn vị tính	Tháng 01/2018 so tháng trước (%)	Tháng 01/2018 so cùng kỳ (%)
<b>Tổng số</b>	%	<b>105,13</b>	<b>124,19</b>
Công nghiệp khai khoáng	"	107,17	139,45
Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	105,16	124,31
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	"	102,04	126,97
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý nước thải, rác thải	"	103,64	107,75

### Tổng mức bán lẻ hàng hóa

	Ước thực hiện Tháng 01/2018 (Tỷ đồng)	Tháng 01/2018 so tháng trước (%)	Tháng 01/2018 so cùng kỳ (%)
<b>Tổng số</b>	<b>13.817,4</b>	<b>100,7</b>	<b>100,7</b>
Khu vực trong nước	13.090,8	100,7	100,1
- Nhà nước	1.317,6	100,8	108,3
- Ngoài nhà nước	11.773,2	100,7	99,2
Khu vực vốn ĐTNN	726,6	100,5	114,5

### Kim ngạch xuất nhập khẩu

	Ước thực hiện tháng 01/2018 (Triệu USD)	Tháng 01/2018 so tháng trước (%)	Tháng 01/2018 so cùng kỳ (%)
<b>Kim ngạch xuất khẩu</b>	<b>2.651</b>	<b>103,8</b>	<b>117,9</b>
Khu vực trong nước	474,2	103,6	113,5
Khu vực vốn ĐTNN	2.176,8	103,8	118,9
<b>Kim ngạch nhập khẩu</b>	<b>2.150,5</b>	<b>103,5</b>	<b>118,3</b>

**Sản phẩm sản xuất chủ yếu**

<b>STT</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Tháng 01/2018</b>	<b>Tháng 01/2018 so tháng trước (%)</b>	<b>Tháng 01/2018 so cùng kỳ (%)</b>
01	Đá xây dựng	M3	1.411.179	107,17	139,45
02	Sữa và kem chưa cô đặc các loại	1000 lít	47.769	93,22	118,91
03	Sữa và kem dạng bột các loại	Tấn	5.075	107,43	143,89
04	Thức ăn cho gia súc	Tấn	38.808	105,52	112,64
05	Thức ăn cho gia cầm	Tấn	51.886	101,20	121,42
06	Thức ăn cho thuỷ sản	Tấn	19.937	98,26	133,90
07	Sợi	Tấn	6.588	103,90	142,75
08	Quần áo các loại	1000 Cái	25.988	109,36	121,50
09	Giày, dép các loại	1000 Đôi	7.058	103,93	123,26
10	Gỗ cưa, gỗ xẻ, gỗ dán, váp ép và các vật liệu tương tự	M3	40.086	106,08	134,83
11	Thùng, hộp băng bìa cứng (trừ bìa nhăn)	1000 chiéc	33.250	117,57	119,97
12	Hộp và thùng băng giấy nhăn và bìa nhăn	1000 chiéc	79.497	102,14	128,63
13	Sơn hóa học	Tấn	17.362	105,70	159,07
14	Hóa chất và các sản phẩm hóa chất	Tấn	29.128	101,74	128,68
15	Sản phẩm băng cao su, plastic	Tấn	20.182	104,37	130,32
16	Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	M3	197.752	104,89	114,55
17	Sắt thép thô	Tấn	40.000	103,37	133,82
18	Sắt thép cán	Tấn	71.787	102,90	123,99
19	Thép thanh, thép ống	Tấn	50.500	106,56	133,29
20	Thiết bị bán dẫn	1000 chiéc	270.400	112,45	140,05
21	Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 cái	3.950	109,39	136,44
22	Xe đạp	Chiếc	17.700	108,92	124,21
23	Khung xe, càng xe và các bộ phận	Tấn	221	104,74	111,06
24	Sản phẩm băng gỗ (gường, tủ, bàn, ghế)	Chiếc	1.340.435	107,83	119,19
25	Điện thương phẩm	Triệu KWh	951	102,04	126,97

**Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu**

<b>STT</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Tháng 01/2018</b>	<b>Tháng 01/2018 so tháng trước (%)</b>	<b>Tháng 01/2018 so cùng kỳ (%)</b>
01	Hàng thủy sản	1000 USD	9.669,9	102,5	106,5
02	Hạt điều	Tấn	23.746,1	100,5	112,8
03	Cà phê	Tấn	17.757,1	105,0	112,1
04	Hạt tiêu	Tấn	9.153,8	104,8	114,5
05	Bánh, kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc	1000 USD	28.798,1	102,4	116,0
06	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	2.596,7	101,5	113,5
07	Cao su	Tấn	20.026,0	103,7	105,8
08	Sản phẩm từ cao su	1000 USD	22.524,3	103,1	111,0
09	Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù	1000 USD	92.395,0	103,8	112,6
10	Gỗ	1000 USD	16.713,8	103,1	110,4
11	Sản phẩm gỗ	1000 USD	382.506,5	104,1	117,2
12	Giấy và các sản phẩm từ giấy	1000 USD	30.941,1	103,6	108,3
13	Xơ, sợi dệt các loại	1000 USD	16.220,7	102,4	114,7
14	Vải các loại	1000 USD	17.893,7	103,7	113,0
15	Hàng dệt may	1000 USD	315.333,4	104,2	118,1
16	Giày dép các loại	1000 USD	266.322,5	104,1	118,6
17	NPL dệt may, da giày	1000 USD	43.509,7	103,6	117,4
18	Sản phẩm gốm sứ	1000 USD	18.472,5	103,4	109,4
19	Sắt thép	Tấn	159.663,7	99,6	113,6
20	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1000 USD	150.553,4	103,6	118,0
21	Điện thoại và linh kiện	1000 USD	239.489,8	103,9	119,3
22	Máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng	1000 USD	65.412,1	104,2	118,4
23	Dây điện và cáp điện	1000 USD	86.300,7	103,1	119,4

**Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu**

<b>STT</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Tháng 01/2018</b>	<b>Tháng 01/2018 so tháng trước (%)</b>	<b>Tháng 01/2018 so cùng kỳ (%)</b>
01	Sữa và sản phẩm sữa	1000 USD	7.292,4	103,7	112,9
02	Bánh, kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc	Tấn	19.263,7	102,6	116,1
03	Thức ăn gia súc và NPL chế biến	Tấn	136.026,3	110,8	117,0
04	Xăng dầu	Tấn	17.000,0	35,1	49,0
05	Hóa chất	1000 USD	39.579,2	104,0	116,3
06	Sản phẩm hóa chất	1000 USD	82.951,0	104,1	117,7
07	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	75.097,0	105,5	122,5
08	Các sản phẩm từ chất dẻo	1000 USD	43.864,0	104,2	117,1
09	Gỗ và sản phẩm gỗ	1000 USD	107.397,3	104,1	118,0
10	Giấy các loại	Tấn	115.060,7	101,2	103,5
11	Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	20.702,5	104,5	117,6
12	Vải các loại	1000 USD	94.600,8	104,2	119,4
13	Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	1000 USD	145.717,6	103,5	118,8
14	Sắt thép các loại	Tấn	125.222,5	106,3	118,8
15	Kim loại thường khác	Tấn	16.636,2	105,8	118,3
16	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	1000 USD	122.422,8	105,1	119,9
17	Điện thoại các loại và linh kiện	1000 USD	109.641,5	107,2	121,7
18	Dây điện và cáp điện	1000 USD	68.235,1	104,2	119,4
19	Linh kiện và phụ tùng ô tô	1000 USD	55.412,4	104,1	118,1